

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 3 – 2025

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Bà Võ Tuyết Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 390/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thúy L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn V, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị L và anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lý Thúy L trình bày: Chị và anh Hồ Văn V tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2022, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống, giữa chị và anh Hồ Văn V xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Chị

và anh [V](#) đã ly thân từ tháng 8 năm 2024 (dương lịch) cho đến nay. Hiện nay chị nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn hợp nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh [V](#). Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh [Hò Văn V](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị [L](#) và anh [V](#) là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị [L](#) phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị [L](#) khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh [V](#). Khi khởi kiện, anh [V](#) trú tại [ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu](#). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: [Anh V1](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị [L](#) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị [L](#) và anh [V1](#).

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị [L](#) và anh [V1](#) có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị [L](#) và anh [V1](#) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị [L](#) và anh [V1](#) là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị [L](#) yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị [L](#) và anh [V1](#).

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị [L](#) và anh [V1](#) không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị [L](#) không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị L phải chịu 300.000 đồng. Chị Lý Thúy L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003069 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Chị Lý Thúy L và ông Hồ Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Lý Thúy L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Lý Thúy L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003069 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào

